TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1431/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý 1339/2026/HNST ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc: "Thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu:

1. Ông **Trần Minh H**, sinh năm 1980.

2. Bà **Phan Thị Thanh T**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: 8 Đường số B, Phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là việc dân sự và người yêu cầu hiện cư trú tại Phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 năm 2015 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Trần Minh H và bà Phan Thị Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Ông Trần Minh H và bà Phan Thị Thanh T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn vì trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông H và bà T đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy: Ông Trần Minh H và bà Phan Thị Thanh T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 148/2021, đăng ký ngày 13/12/2021, tại Ủy

ban nhân dân phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Minh H và bà Phan Thị Thanh T là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông H và bà T có nhiều khác biệt về quan điểm, lối sống, hai bên không thể chia sẻ và nhận thấy không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông Trần Minh H và bà Phan Thị Thanh T đã cố gắng hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét mâu thuẫn giữa ông H và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Trần Minh H và bà Phan Thị Thanh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Ông Trần Minh H và bà Phan Thị Thanh T có 01 người con chung là: Trần Kim N (giới tính nữ, sinh ngày 04/05/2002) đã trưởng thành, nên việc sinh sống với ai tùy theo nguyện vọng của bà Trần Minh N1.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Trần Minh H và bà Phan Thị Thanh T xác nhận không có.

[6] Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông H và bà T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trần Minh H, sinh năm 1980 và bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1980 thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 148/2021, đăng ký ngày 13/12/2021, tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) tại chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Ông Trần Minh H và bà Phan Thị Thanh T có 01 người con chung là: Trần Kim N (giới tính nữ, sinh ngày 04/05/2002) đã trưởng thành, nên việc sinh sống với ai tùy theo nguyện vọng của bà Trần Minh N1.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí:

Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Trần Minh H và bà Phan Thị Thanh T đã đóng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Trần Minh H và bà Phan Thị Thanh T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0033219 do Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 27/5/2026. Ông H và bà T đã nộp đủ lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2 – TP. Hồ Chí Minh;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga